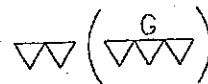


MV

訂正Rev 日 付 記 事 擔 當

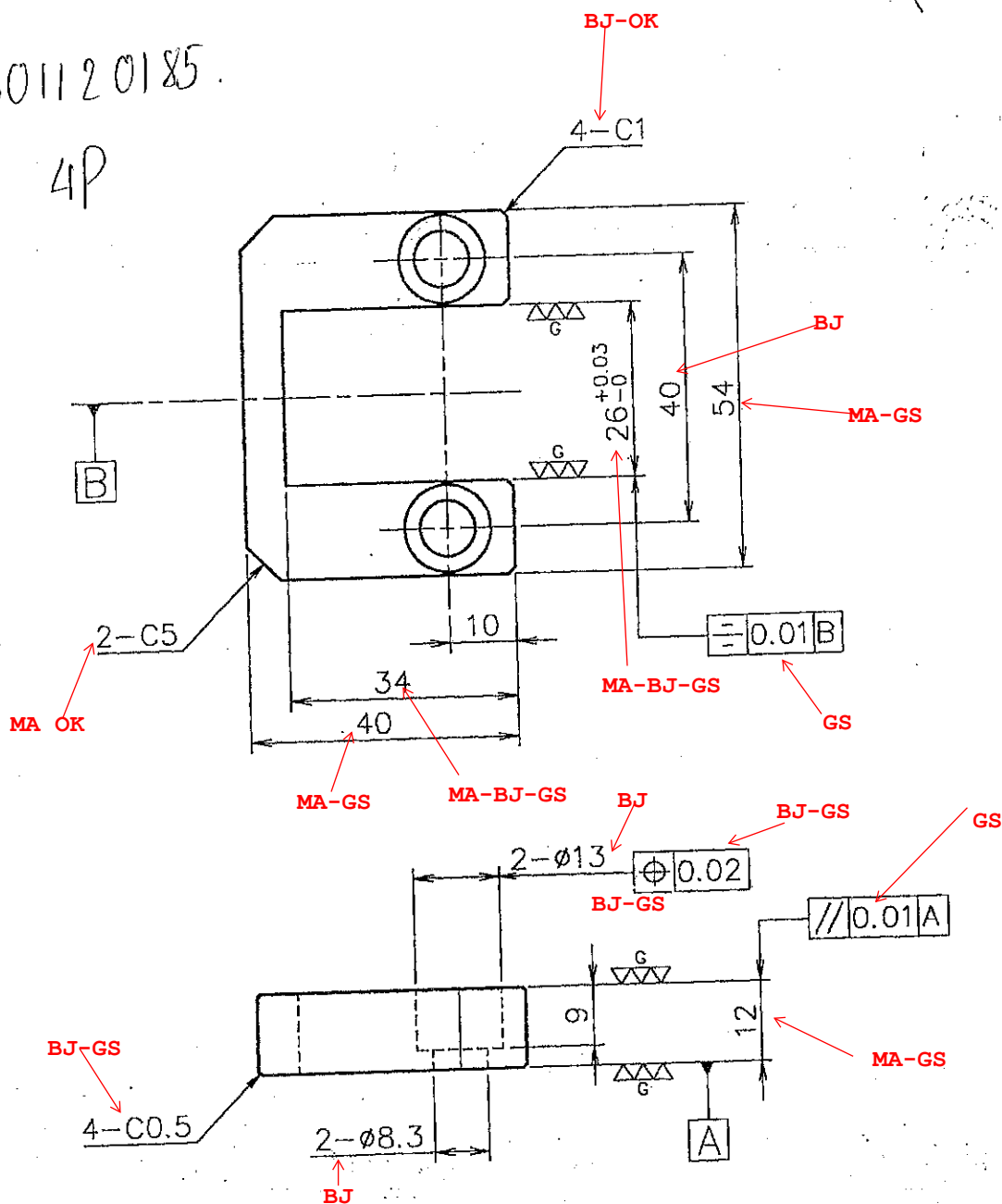
22/3/17 219.

一般加工公差表示	
0.5以上6以下	±0.1
6~30	±0.2
31~120	±0.3
121~315	±0.5
圖面上有公差時以圖面公差優先	



6301120185.

4P



I 呈

Số lượng tối thiểu : 4

Vật liệu: SKS3

T13 X 45 X 60

AA:15

MA:20

BJ:20

GS:40

AB:10

KT

hoàn thành tháng 2/2022.

材 質		數 量		設 備 名 稱				
SK5		1		電櫃腳部SP可機本體				
表面處理		檢 圖		設 計		製 圖	日 期	共通部品番號
SOB		莊思賢		與木寸		陳素月	2000/07/29	
S205490								訂正 REV
A57888.DWG								

華洲電機工業股份有限公司 V.2

T13 X 50 X 60

414 112 0041